

ĐÔI NÉT VỀ QUAN HỆ DÂN TỘC CỦA NGƯỜI TU DÍ Ở HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG, TỈNH LÀO CAI HIỆN NAY¹

TS. Trần Thị Mai Lan
ThS. Sa Thị Thanh Nga
Viện Dân tộc học

***Tóm tắt:** Tu Dí là một nhóm địa phương của dân tộc Bô Y, có nguồn gốc từ Trung Quốc di cư đến Việt Nam sinh sống. Tại huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, người Tu Dí là một trong những nhóm dân tộc có dân số ít, nên quan hệ dân tộc trước đây của họ chủ yếu bó hẹp ở phạm vi đồng tộc. Sau khi một số thôn được tái định cư và sống xen kẽ giữa nhiều dân tộc, quan hệ dân tộc của người Tu Dí được mở rộng và phát triển trên ba lĩnh vực: kinh tế, xã hội, văn hóa. Hơn nữa, họ còn gia tăng quan hệ với người đồng tộc và khác tộc ở bên Trung Quốc từ khi biên giới Việt - Trung được mở cửa trở lại. Tuy nhiên, do bối cảnh cơ chế thị trường nên bên cạnh những tích cực cũng có một số ảnh hưởng tiêu cực bắt nguồn từ quan hệ giữa các dân tộc và người Tu Dí ở nơi đây, cần được quan tâm, nghiên cứu và giải quyết kịp thời.*

***Từ khóa:** Quan hệ dân tộc, người Tu Dí, dân tộc Bô Y, Lào Cai.*

🏠 Mở đầu

Người Tu Dí ở huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai là một nhóm địa phương của dân tộc Bô Y, có nguồn gốc từ Trung Quốc di cư đến lập nghiệp. Khi mới đến Lào Cai, họ lập làng riêng để cư trú tương đối độc lập. Trong quá trình di dân và tái định cư, họ dần cư trú xen kẽ với các dân tộc láng giềng như Tày, Nùng, Phù Lá... vì vậy có mối quan hệ gắn bó với những tộc người này. Hơn nữa, do địa bàn cư trú của người

Tu Dí ở gần đường biên giới Việt - Trung nên mối quan hệ giữa họ và đồng tộc ở bên kia biên giới cho đến nay vẫn còn rõ nét. Ở huyện Mường Khương hiện nay, dân số người Tu Dí có 1.534 người, cư trú chủ yếu ở các xã: Thanh Bình, Nậm Chảy, Tả Gia Khâu, Lùng Khẩu, ngoài ra còn một số hộ cư trú ở các xã khác và thị trấn Mường Khương. Người Tu Dí sinh sống xen kẽ với các dân tộc khác như: Nùng, Pa Dí, Hmông, Dao, Phù Lá, Việt (Kinh)... trong đó dân số Tu Dí chiếm tỷ lệ thấp, chẳng hạn như ở xã Tung Chung Phố người Tu Dí chỉ chiếm 5% tổng dân số toàn xã, ở xã Thanh Bình thì chiếm 12,2%... (UBND huyện Mường Khương,

¹ Bài viết này là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2016 của Viện Dân tộc học: *Quan hệ tộc người của nhóm Tu Dí ở huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai*, do ThS. Sa Thị Thanh Nga và ThS. Lê Thị Hương đồng chủ nhiệm đề tài.

2016). Tuy vậy, người Tu Dí vẫn được các dân tộc ở địa phương đánh giá là có mối quan hệ rộng, biết tính toán làm ăn và có trình độ nhận thức cao.

Từ những năm 90 thế kỷ trước, biên giới giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc chính thức mở cửa trở lại, quan hệ giữa người Tu Dí với các tộc người trong khu vực và xuyên biên giới dần mở rộng. Đặc biệt, những năm gần đây, khi đất nước bước vào thời kỳ hội nhập và phát triển kinh tế thị trường, nhu cầu giao lưu, trao đổi và buôn bán hàng hóa của người Tu Dí ngày càng tăng cao. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu về mối quan hệ giữa người Tu Dí với các tộc người láng giềng thuộc huyện biên giới Mường Khương sẽ giúp cho việc hiểu biết rõ hơn về thực trạng các mối quan hệ trong nội tộc người Bô Y, trong đó có người Tu Dí và quan hệ giữa họ với các dân tộc ở trong và ngoài địa bàn cư trú. Từ đó, cung cấp luận cứ khoa học cho các nhà quản lý tham khảo để xây dựng và thực hiện những chính sách dân tộc phù hợp hơn với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của các tộc người ở vùng biên giới phía Bắc nước ta.

1. Quan hệ dân tộc trong hoạt động kinh tế

Quan hệ dân tộc trong hoạt động kinh tế thể hiện khá rõ nét đối với cộng đồng người Tu Dí ở huyện Mường Khương. Qua việc trao đổi, buôn bán tại các phiên chợ, người Tu Dí có điều kiện mở rộng các mối quan hệ làm ăn, quan hệ xã hội và hôn nhân của mình. Các phiên chợ tuần họp một lần ở địa phương như: chợ Xín Nùng Chải, Pha Long, thị trấn Mường Khương đều có người Tu Dí bán hàng nông sản và đồ thủ công gia đình. Họ giao tiếp với các dân tộc khác bằng

tiếng Nùng, tiếng Hmông và tiếng Quan Hỏa khi giao tiếp với người đồng tộc từ Trung Quốc sang bán hàng. Hơn nữa, người Tu Dí còn tham gia thu mua nông sản ở trong thôn và xã để xuất bán sang Trung Quốc, chẳng hạn như ở xã Thanh Bình vào thời điểm năm 2016, riêng thôn Lao Hâu có 2 hộ Tu Dí/61 hộ của thôn làm nghề này; còn thôn Páo Tùng, xã Tung Chung Phố có 3 hộ Tu Dí/71 hộ của thôn. Các hoạt động buôn bán vừa giúp cải thiện kinh tế gia đình vừa thu hút được nhiều lao động là những người đồng tộc và khác tộc ở địa phương. Ngoài ra, dịch vụ chế biến nông sản của người Tu Dí đã giúp cho các dân tộc láng giềng được thuận lợi hơn trong công việc sản xuất, cụ thể như trường hợp bà Lò Lại Sửu ở thôn Lao Hâu đã nhiều năm làm dịch vụ xay xát nông sản cho người dân các dân tộc trong xã Thanh Bình.

Thời gian gần đây, hoạt động làm thuê đã thu hút khá nhiều lao động người Tu Dí cũng như các dân tộc khác. Hầu hết các công việc làm thuê phổ biến như thợ xây, phụ hồ, bốc vác tại cửa khẩu Mường Khương cho thương nhân Việt Nam và Trung Quốc... đều có người Tu Dí tham gia. Một số người Tu Dí nơi đây còn sang Trung Quốc làm thuê các công việc: bóc vỏ quế, trồng chuối, phun thuốc diệt cỏ hay rửa bát thuê trong các nhà hàng ăn uống, bán hàng thuê ở khu vực cửa khẩu Hà Khẩu,... Ngoài việc góp phần cải thiện đời sống kinh tế gia đình, những người Tu Dí làm thuê qua biên giới còn mang theo về quê nhà những kiến thức, kinh nghiệm làm ăn. Việc trồng và phát triển thành công giống quýt ở Mường Khương hiện nay là do những người Tu Dí đi làm thuê ở Trung Quốc mang về nhân giống ở địa phương.

Chưa kể tới việc các dân tộc ở địa phương cũng đã học tập hình thức xen canh trong trồng trọt của người Tu Dí nhằm tăng năng suất, nâng cao hiệu quả sản xuất. Người Tu Dí thường trồng xen canh các loại cây hoa màu, chủ yếu là các loại rau bí, rau cải, các loại đỗ... vừa để làm thức ăn hàng ngày vừa có thể phát triển thành hàng hóa, giúp nâng cao thu nhập cho hộ gia đình. Trong quá trình làm ăn và sinh hoạt cộng đồng, người Tu Dí không ngừng mở rộng quan hệ với nhiều người thuộc các dân tộc, các thành phần xã hội khác nhau. Một số người Tu Dí đã mạnh dạn hợp tác với người Kinh và người Trung Quốc để xuất khẩu hàng nông sản, tạo việc làm và thu nhập cho những người đồng tộc và khác tộc trong thôn, xã... Cụ thể là, qua việc mua cây giống để phát triển sản xuất hộ gia đình, ông Lò Chử Si ở thôn Páo Tùng đã kết nối quan hệ với một số người Kinh ở huyện Bắc Hà, tạo được mối quan hệ bạn bè với người Hán ở Trung Quốc². Ông Si còn được nhân dân các dân tộc trong thôn bầu là người có uy tín của cộng đồng nhiều năm.

Kết quả khảo sát thực địa vào năm 2016 cho thấy, từ năm 1995, một số người Tu Dí đã bắt đầu lập đại lý thu mua nông sản cho nhiều chủ buôn. Từ quan hệ bạn hàng, họ dần trở thành bạn bè trong cuộc sống và có mối quan hệ thân thiết với nhau. Mặc dù người Tu Dí luôn được cộng đồng đánh giá cao trong hoạt động kinh tế và hoạt động xã

hội, một số cá nhân người Tu Dí đã trở thành tấm gương cho cộng đồng các dân tộc sinh sống ở địa phương noi theo học tập. Trong đó, tiêu biểu là trường hợp bà Lò Lại Sừ ở thôn Lao Hàu, xã Thanh Bình là cá nhân tiên tiến điển hình của dân tộc Tu Dí vì có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua xóa đói giảm nghèo. Xuất phát từ người làm kinh tế giỏi, bà Sừ đã tập hợp và tạo được việc làm cho bà con các dân tộc Hmông, Dao, Nùng trong xã và các xã biên cạnh.

2. Quan hệ dân tộc trong đời sống xã hội

2.1. Quan hệ dân tộc trong hôn nhân và gia đình

Qua phỏng vấn nhiều cụ già cho thấy, trong truyền thống hôn nhân của người Tu Dí chủ yếu khép kín trong nội bộ tộc người, thậm chí là trong phạm vi địa phương mà họ sinh sống. Do điều kiện giao thông trước đây hạn chế, cơ hội học tập, giao lưu gặp gỡ giữa thanh niên Tu Dí với thanh niên các dân tộc khác không nhiều, số người Tu Dí biết tiếng phổ thông rất ít nên họ chỉ kết hôn trong nội bộ dân tộc mình. Các cụ già người Tu Dí trước đây thường khuyên con cháu chỉ nên kết hôn với người đồng tộc vì nếu lấy người dân tộc khác mà không biết tiếng thì sẽ khó khăn khi giao tiếp với những người trong gia đình hoặc rất dễ mất ngôn ngữ mẹ đẻ.

Những năm gần đây, nhất là từ khi biên giới Việt - Trung mở cửa trở lại, do điều kiện đi lại và truyền thông thuận tiện, việc học tập giao lưu với các dân tộc khác của thanh niên Tu Dí được cải thiện hơn, nên hôn nhân hỗn hợp dân tộc ở đây trở nên phổ biến. Nhiều thanh niên Tu Dí đã tự lựa chọn bạn đời của mình là khác dân tộc. Vì vậy, chỉ riêng thôn Páo Tùng, xã Tung Chung Phố đã có 1 người Tu Dí kết hôn với người

² Ông Si gặp người Trung Quốc sang bán hàng ở các chợ vùng biên của Mường Khương, qua trao đổi thông tin về những giống cây trồng và theo về Trung Quốc để học hỏi kinh nghiệm trồng cây ăn quả, mua giống, từ đó liên hệ được việc làm thêm cho nhiều người vào lúc nông nhàn như đi làm thuê bóc quế ở khu vực giáp biên.

Hmông, 2 người kết hôn với người Nùng và 1 người kết hôn với người Kinh. Do phong tục khác nhau nên trong quá trình cưới hỏi, nhà trai và nhà gái phải trao đổi và thương lượng với nhau sao cho hợp lý, nhưng thông thường, các đám cưới khác dân tộc này được tổ chức theo phong tục bên nhà trai. Việc kết hôn với dân tộc khác đã hình thành những gia đình đa tộc người trong cộng đồng Tu Dí, như trường hợp gia đình ông Lò Chứ Si ở thôn Páo Tùng vốn là gia đình thuần người Tu Dí, sau khi con cái trưởng thành và kết hôn thì gia đình ông có con dâu cả là người Tu Dí, con dâu thứ hai là người Thái, con rể là người Nùng.

Chưa kể sau năm 1991, khi biên giới Việt - Trung mở cửa trở lại, trong cộng đồng người Tu Dí ở huyện Mường Khương còn có hiện tượng kết hôn xuyên biên giới, nhưng chỉ xảy ra với phụ nữ trong độ tuổi từ 30 - 40. Sau khi kết hôn, họ sinh sống ở bên kia biên giới. Có những phụ nữ Tu Dí đã chủ động chấm dứt hôn nhân không hạnh phúc với người đồng tộc để tìm kiếm hạnh phúc mới với người khác dân tộc ở bên kia biên giới. Tuy nhiên, các cuộc hôn nhân như vậy đều không được đăng ký hợp pháp với chính quyền địa phương mà chỉ tổ chức đám cưới ở bên Trung Quốc.

Theo truyền thống, trong cộng đồng người Tu Dí ít có những cặp vợ chồng bỏ nhau do hoàn cảnh sống của họ không cho phép bởi nếu bỏ nhau, họ vẫn chỉ sinh sống tại địa phương, lại không thể lấy được người dân tộc khác. Còn hiện nay, cơ hội giao lưu, tiếp xúc, tìm bạn đời luôn mở rộng và thuận lợi hơn trước, nên những cặp vợ chồng có cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc đều chọn giải pháp ly hôn để tạo lập cuộc sống mới. Do vậy, tỷ lệ ly hôn

trong cộng đồng người Tu Dí gần đây cũng cao hơn so với trước và hiện tượng kết hôn xuyên biên giới càng tăng lên.

2.2. Quan hệ dân tộc trong phạm vi dòng họ và cộng đồng khác tộc

Trưởng họ của người Tu Dí do đại diện các gia đình trong dòng họ bầu ra và có uy tín lớn đối với tất cả mọi người trong họ. Trước đây, khi các gia đình thành viên có việc cưới hoặc tang ma, trưởng họ thường là người chủ trì, đồng thời có vai trò quyết định những công việc quan trọng khác trong họ. Hiện nay, vai trò của trưởng họ đã thay đổi đáng kể, do trưởng thôn đứng ra chủ trì các đám tang trong thôn. Trong khi trưởng thôn có thể là người Tu Dí, nhưng ở những bản nhiều dân tộc cùng sinh sống, trưởng thôn có thể là người dân tộc khác, nhất là dân tộc có dân số đông nhất để thuận lợi cho công tác quản lý chung của cộng đồng. Chẳng hạn, trưởng thôn Páo Tùng thuộc xã Tung Chung Phố là người Nùng, nhưng trưởng thôn Lao Hàu, xã Thanh Bình lại là người Tu Dí.

Đáng lưu ý là hầu hết người Tu Dí ở thôn Lao Hàu, xã Thanh Bình đều có thân tộc hiện đang cư trú tại huyện Mã Quan của tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Hiện tại, họ vẫn duy trì mối quan hệ đồng tộc xuyên biên giới, nên thường qua lại hai bên đường biên để gặp gỡ, thăm hỏi nhau. Nếu trước đây họ liên hệ với nhau qua thư từ, cụ thể là người Tu Dí bên Trung Quốc nhờ người Việt Nam sinh sống ở Vân Nam viết thư bằng tiếng Việt để gửi cho người thân ở Mường Khương trong khi người Tu Dí ở Mường Khương viết thư trả lời bằng tiếng Quan Hỏa, thì từ khi điều kiện thông tin được cải thiện, họ chủ yếu liên lạc với nhau qua điện thoại, làm cho việc kết nối diễn ra thường xuyên hơn. Do đời

sống kinh tế của người Tu Dí hiện nay đã khá ổn định, giao thông đi lại dễ dàng hơn trước, nên ngoài những dịp tang ma, đám cưới, hiện nay họ còn qua lại biên giới thăm nhau vào những dịp lễ tết hay khi gia đình có người ốm đau, gặp hoạn nạn,...

Một trong những người đóng vai trò quan trọng đối với quan hệ dân tộc giữa người Tu Dí với các tộc người khác là thầy cúng. Thầy cúng người Tu Dí thường đi chữa bệnh cho tất cả mọi người trong vùng và nhiều nơi khác, không phân biệt dân tộc. Họ đi cúng cho người bệnh ở tận các huyện khác thuộc tỉnh Lào Cai và Yên Bái, thậm chí sang Trung Quốc. Tư liệu phỏng vấn tại thôn Lao Hầu xã Thanh Bình cho thấy, một số thầy cúng người Tu Dí ở đây vẫn thường xuyên đi qua đường biên giới để cúng cho người thân và người đồng tộc ở huyện Mã Quan, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Trong quá trình đó, các thầy cúng người Tu Dí không chỉ tạo ra mối quan hệ gắn kết với người đồng tộc và khác tộc, mà còn làm cho cộng đồng dân cư tại nơi họ thường đến cúng chữa bệnh hiểu biết thêm về người Tu Dí ở huyện Mường Khương.

Quan hệ hòa hợp giữa người Tu Dí với các dân tộc sống kề cận còn thể hiện ở việc thích nghi và biến đổi một số phong tục tập quán truyền thống của họ cho phù hợp với điều kiện sống xen cư. Ở thôn Páo Tùng, người Nùng có dân số đông nhất, nên người Tu Dí cũng như những dân tộc khác trong thôn đều theo phong tục của người Nùng nhưng vẫn duy trì phong tục của dân tộc mình. Trong khi tại thôn cũ Chín Chu Phìn trước đây, cộng đồng người Tu Dí có miếu chung thờ thần rừng, vào buổi sáng và buổi chiều tất cả những ngày lễ trong năm, sau khi nấu cơm xong các gia đình trong thôn,

bên cạnh cúng cơm trên bàn thờ tổ tiên còn phải mang mâm cơm ra miếu cúng thần rừng trước khi ăn. Từ khi đến định cư ở thôn Páo Tùng, người Tu Dí đã chuyển đổi theo phong tục của người Nùng, tức không lập miếu riêng và không tổ chức cúng thần rừng theo cách của mình để tránh gây mất đoàn kết trong cộng đồng thôn. Như vậy, người Tu Dí ở thôn Páo Tùng hiện nay chỉ cúng thần rừng theo phong tục của người Nùng, từ thầy cúng là người Tu Dí chuyển sang thầy cúng người Nùng, cúng bằng tiếng Nùng nhưng có thêm kiêng kị khi cúng thần rừng của thôn là kiêng thai phụ cùng chồng không được đến nơi thờ cúng (Nam, sinh 1984, Bí thư Chi bộ thôn Páo Tùng, xã Tung Chung Phó).

Bên cạnh đó, lễ hội truyền thống tạ ơn trâu diễn ra vào ngày 8/4 Âm lịch hàng năm vốn là của người Tu Dí nhằm tạ ơn con trâu đã có công giúp con người trong sản xuất nông nghiệp, thì nay đã được nhân rộng trong phạm vi liên thôn, thậm chí là liên xã, có sự tham gia của các dân tộc sinh sống trong vùng. Đặc biệt, các dân tộc khác trong những thôn có nhiều người Tu Dí cũng thể hiện sự thích nghi với phong tục tập quán của người Tu Dí. Chẳng hạn, người Tu Dí quan niệm rằng, trong nghĩa địa chung thì mộ chôn sau bao giờ cũng phải cùng hướng với mộ chôn trước đó, nếu vị trí chôn gần thì ngoài việc cùng hướng, mộ chôn sau cần phải thấp hơn vị trí của mộ chôn trước một chút, tập quán này đều được các dân tộc khác cùng thực hiện.

Trong quan hệ dân tộc ở lĩnh vực xã hội, bên cạnh những thuận lợi, bộ phận người Tu Dí nơi đây cũng gặp một số trở ngại nhất định, nhất là từ khi Nhà nước có chính sách ưu tiên dành cho các dân tộc có dân số ít, trong đó có người Tu Dí. Khảo sát

vào năm 2016 cho thấy, một số dân tộc sống cùng thôn với người Tu Dí đã có ý kiến so bì, thắc mắc, thậm chí xuất hiện tư tưởng dân tộc cục bộ trong đội ngũ cán bộ thôn là người khác tộc. Tuy vậy, nhìn chung, quan hệ dân tộc ở khía cạnh xã hội của người Tu Dí vẫn thể hiện rõ sự dung hòa, với khả năng thích nghi cao của đồng bào trong điều kiện kinh tế - xã hội và môi trường sống luôn thay đổi.

3. Quan hệ dân tộc trong ẩm thực, trang phục và dân ca

3.1. Quan hệ dân tộc trong ẩm thực

Do sinh sống xen cư với các dân tộc Kinh, Hmông, Nùng... nên người Tu Dí dễ dàng tiếp nhận những yếu tố mới trong ăn uống từ những hàng xóm là người khác tộc. Qua tư liệu điền dã, người Tu Dí không chỉ thường xuyên dùng các món ăn của người Nùng như xôi bảy màu, thắng cố của người Hmông mà còn rất quen thuộc với các món ăn của người Kinh như: canh xương nấu củ, thịt cuốn lá lốt, miến xào,... Ngược lại, các dân tộc láng giềng cũng rất thích các món ăn của người Tu Dí như đậu xị, canh tương, nhục đậu khấu,... Đặc biệt, các loại bánh truyền thống của người Tu Dí như bánh tò te, bánh khoai, bánh sừng... được nhiều người khác tộc ưa thích và được bày bán hàng ngày ở chợ huyện Mường Khương.

Có thể nói, qua giao lưu tiếp xúc với các dân tộc láng giềng, người Tu Dí hiện nay đã có sự thay đổi cơ bản trong quan niệm về ăn uống. Theo truyền thống trước đây, họ không ăn thịt các loài vật nuôi bốn chân như trâu, ngựa, bò, chó, vì họ cho rằng đây là những con vật nuôi gắn bó với gia đình, giúp người dân trong lao động sản xuất. Kể cả khi các con vật này bị ốm hay bị ngã núi... người

Tu Dí cũng không dám mổ ăn thịt, mà đem bán rẻ hoặc cho người dân tộc khác. Hiện nay, hầu hết người Tu Dí nơi đây đã ăn thịt các loài gia súc và gia cầm được nuôi trong gia đình, chỉ những người hành nghề thầy cúng còn kiêng kị.

Hòa cùng với xu thế phát triển chung, người Tu Dí cũng nhanh chóng tiếp thu và áp dụng những nguyên liệu mới trong chế biến món ăn, các loại gia vị như mì chính, nước mắm, hạt nêm, nước tương... đều được sử dụng hàng ngày. Bên cạnh đó, đồ uống hiện nay của người Tu Dí cũng có thay đổi so với trước, ngoài rượu còn sử dụng bia, các loại nước ngọt để uống và tiếp khách. Việc học hỏi, tiếp thu món ăn mới và các món khác của các tộc người láng giềng đã góp phần làm phong phú thêm vốn văn hóa ẩm thực đặc sắc của người Tu Dí.

3.2. Quan hệ dân tộc trong trang phục và dân ca

Bộ trang phục truyền thống của phụ nữ Tu Dí có gam chủ đạo là màu chàm, được trang trí hoa văn thêu bằng chỉ trắng và chỉ tơ tằm. Nhưng gần đây, họ đã lựa chọn những màu sắc tươi sáng hơn do cắt may bằng vải công nghiệp. Theo đó, áo có gam màu xanh là chủ đạo, gồm xanh lá cây, xanh lam, xanh da trời...; trong khi quần lại màu đen; còn khăn và xiêm ngực thì nhiều mẫu mã với những màu sắc đa dạng hơn. Do đó, nguyên liệu để may khâu một bộ trang phục vừa để mua ở chợ vừa có giá khá rẻ.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, nguyên liệu để may thêu một bộ trang phục truyền thống của người Tu Dí hiện nay chủ yếu mua từ người dân tộc khác hoặc mua từ bên kia biên giới. Gần đây, phụ nữ người Tu Dí đã không còn tự may khâu đồ mặc truyền thống

cho các thành viên trong gia đình, mà thường mua bộ trang phục may sẵn của người Tu Dí ở bên kia biên giới, bởi vì ở huyện Mường Khương hiện nay không có người phụ nữ Tu Dí nào còn biết cách cắt và khâu bộ trang phục truyền thống. Những bộ y phục mà họ sử dụng trong các dịp lễ hiện nay đều do người đồng tộc ở bên Trung Quốc may sẵn hoặc may theo đơn đặt hàng với kiểu dáng, mẫu mã, hoa văn truyền thống, có mức giá từ 2 - 3 triệu đồng/bộ.

Về cách sử dụng bộ trang phục truyền thống của người Tu Dí, do chịu ảnh hưởng của xu thế chung nên đã có sự thay đổi khá lớn. Nam giới hiện nay như các tộc người trong vùng, mặc trang phục như người Kinh. Đối với phụ nữ, họ chuyển sang mặc quần âu hiện đại may bằng vải tối màu, vừa đảm bảo phù hợp với chiếc áo truyền thống vừa thuận tiện hơn cho việc di chuyển. Trong đám cưới của người Tu Dí hiện nay, khi bái lạy tổ tiên, chỉ cô dâu mặc trang phục truyền thống do quan niệm rằng nếu cô dâu không mặc bộ đồ này thì ông bà tổ tiên không thể thấy được thành viên mới của gia đình để đón nhận, còn chú rể đã chuyển sang mặc âu phục như người Kinh. Riêng bộ đồ trang sức bằng bạc do có giá thành 20 - 25 triệu đồng nên không còn được phụ nữ Tu Dí sử dụng phổ biến như trước đây. Gia đình có điều kiện thì làm bộ trang sức đầy đủ; nếu không có điều kiện thì chỉ cố gắng làm bộ vòng cổ và chùm dây đeo cúc áo để sử dụng khi tham gia lễ hội và tết. Trong sinh hoạt hàng ngày, nhiều người phụ nữ Tu Dí đã chuyển sang sử dụng các loại trang sức được chế tác từ vàng do loại trang sức này hiện nay rất phổ biến trên thị trường.

Trong bối cảnh cơ chế thị trường và hội nhập, người Tu Dí ở Mường Khương đã có những thay đổi trong quan niệm về cách thẩm mỹ. Họ cho rằng, bộ trang phục truyền thống của dân tộc mình dù rất đẹp, song cũng khá đắt tiền, khó may khâu, thậm chí khó mua, nhưng khi mặc lại không thuận tiện. Trong khi đó, mặc âu phục vừa đẹp và thoải mái, mà lại dễ mua với giá rẻ hơn. Từ nhận thức như vậy, đại bộ phận người Tu Dí ở Mường Khương hiện nay không còn sử dụng trang phục truyền thống trong sinh hoạt hàng ngày, kể cả dùng để khâm liệm người qua đời, ngoại trừ một số ít người cao tuổi. Lớp trẻ và những người trung niên chỉ còn mặc trang phục truyền thống trong đám cưới hoặc những dịp lễ tết truyền thống của dân tộc và khi tham dự các lễ hội có sự tham gia của nhiều dân tộc. Có thể nói, do hầu hết người dân các dân tộc ở địa phương hiện nay đều chuyển sang mặc âu phục nên người Tu Dí cũng không nằm ngoài xu hướng chung đó.

Đối với dân ca, trong sinh hoạt văn hóa văn nghệ tại địa phương, người Tu Dí hiện nay đã sáng tác lời mới theo tiếng phổ thông trên nền dân ca truyền thống của dân tộc mình với nội dung ơn Đảng, ơn Bác, đoàn kết dân tộc, ngợi ca đất nước,... Chẳng hạn như bà Lò Lài Sừ ở thôn Lao Hài, xã Thanh Bình là nghệ nhân dân gian người Tu Dí đã có nhiều năm truyền dạy các làn điệu dân ca cổ truyền cho các thế hệ trẻ em người Tu Dí trong thôn. Bà cũng là người sáng tác, đặt lời mới cho các làn điệu dân ca của dân tộc mình, tích cực giúp cho việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của người Tu Dí, đồng thời tạo dựng sự gắn kết trong cộng đồng người Tu Dí. Ngoài ra,

người Tu Dí còn ưa thích sử dụng các loại thiết bị nghe nhạc điện tử, văn hóa phẩm được du nhập từ Trung Quốc. Theo đó, các loại tranh ảnh, băng đĩa phim, đĩa ca nhạc... của Việt Nam và Trung Quốc đang ngày càng trở nên phổ biến trong cộng đồng, giúp cho đời sống văn hóa tinh thần của người Tu Dí ngày càng phong phú hơn. Tuy nhiên, việc du nhập những yếu tố văn hóa không phù hợp, thiếu lành mạnh cũng là điều khó tránh khỏi.

4. Kết luận

Cùng với quá trình hội nhập, phát triển của các vùng miền và đất nước, quan hệ dân tộc của người Tu Dí ở huyện Mường Khương có xu hướng mở rộng và phát triển. Các mối quan hệ hợp tác, liên kết, trợ giúp nhau trong hoạt động kinh tế, xã hội và sinh hoạt văn hóa giữa đồng tộc và khác tộc trong vùng và qua biên giới Việt - Trung đang ngày càng tăng, đã mang lại những lợi ích vật chất và tinh thần thiết thực đối với người Tu Dí nơi đây. Có thể nói, từ khi Đổi mới đất nước và hội nhập, quan hệ dân tộc của người Tu Dí ở huyện Mường Khương với các tộc người láng giềng đã và đang diễn ra theo xu hướng hòa nhập và tiếp thu những yếu tố thích hợp, từ đó giúp đồng bào có sự thông hiểu và ngày càng gắn kết với nhau hơn.

Các mối quan hệ dân tộc đã mang tính hòa hợp nhất định giữa người Tu Dí ở huyện Mường Khương với các tộc người láng giềng, góp phần thúc đẩy sự gắn bó, đoàn kết giữa những dân tộc sinh sống tại địa phương. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng và bảo vệ biên giới ở tỉnh Lào Cai

cũng như tăng cường sự gắn bó hữu nghị của người dân sinh sống ở hai bên biên giới. Tuy nhiên, trong bối cảnh cơ chế thị trường, những ảnh hưởng tiêu cực từ các mối quan hệ dân tộc đến đời sống của đồng bào cũng không ngừng phát sinh. Do đó, cần có sự quản lý, giám sát chặt chẽ và định hướng kịp thời của các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương, nhằm sớm phòng tránh và hạn chế xu hướng nảy sinh các mâu thuẫn trong quan hệ dân tộc của người Tu Dí, đặc biệt là quan hệ dân tộc xuyên biên giới Việt - Trung.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Hữu Sơn (Chủ biên, 2013), *Văn hóa dân gian người Bó Y ở Lào Cai*, Tập 1, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
2. Chu Thái Sơn (1973), “Người Tu Dí ở Lào Cai”, *Thông báo Dân tộc học 1973*, Số 3, tr. 82-86.
3. Chu Thái Sơn (2014), “Dân tộc Tu Dí”, trong: *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Viện Dân tộc học (Tái bản lần thứ nhất), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Ma Quốc Tám, Nguyễn Hữu Thọ (2009), *Văn hóa vật thể người Bó Y*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Minh Tú (2012), *Văn hóa ẩm thực của người Tu Dí, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
6. UBND huyện Mường Khương (2016), *Báo cáo thực trạng đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội dân tộc Bó Y (Tu Dí)*, tháng 6/2016.